

CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tháng 05 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26



CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Công Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Thông	Thành viên
Ông Phạm Văn Chính	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2019)
Ông Triệu Văn Hợp	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2019)

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Thông	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Người đại diện pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Công Cương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Từ ngày 09/11/2018 đến thời điểm lập báo cáo này

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó, đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CNC CAPITAL VIỆT NAM

A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



A red circular stamp with the text "M.S.D.N. 0101971512-0", "CÔNG TY CỔ PHẦN", "CNC CAPITAL", and "VIỆT NAM". A blue ink signature is written across the stamp.

Nguyễn Công Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020



A partial red circular stamp showing the letters "H H" and a star.



A partial red circular stamp showing the text "M.S.D.N." and "T H".



Số: 245/VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 5 năm 2020, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày kết thúc niên độ kế toán, do đó, chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại thời điểm cuối năm. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế, do đó chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh số dư liên quan đến tiền mặt và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Tại ngày 31/12/2019, Công ty đang ghi nhận khoản phải trả Ông Lê Minh Công trên Chi tiêu Phải trả ngắn hạn khác với số tiền là 1.350.000.000 VND; khoản nợ này chưa được Công ty đối chiếu, xác nhận nợ. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thích hợp, theo đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá tính hiện hữu, đầy đủ, chính xác đối với khoản công nợ này và liệu có phải điều chỉnh gì liên quan đến giá trị khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty đang sở hữu 2.524.600 cổ phần Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà, tương ứng giá gốc khoản đầu tư là 92.063.098.487 VND. Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà đang gặp các vấn đề khó khăn trong hoạt động kinh doanh và có những dấu hiệu trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động liên tục (chi tiết xem Thuyết minh số 07 - Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư trên. Theo đó chúng tôi không thể xác định được số liệu cần điều chỉnh của Chỉ tiêu Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn và các khoản mục có liên quan trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 03 - Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, giá định hoạt động liên tục: Tại ngày 31/12/2019, số dư các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn số dư tài sản ngắn hạn 6.400.147.835 VND. Đồng thời Công ty đang bị áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng kể từ ngày 14/12/2019 theo Biên bản làm việc ngày 20/12/2019 giữa Công ty với Chi cục Thuế Quận Nam Từ Liêm và Quyết định số 22816/QĐ-CCCT ngày 12/12/2019. Ban điều hành của Công ty đã nhận biết vấn đề trên và đã có các biện pháp để cải thiện tình hình tài chính của Công ty.

Như Thuyết minh số 25 - Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán phần Thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 25/5/2020, Công ty đã chuyển nhượng thành công theo phương thức thỏa thuận 6,2 triệu cổ phần tại Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà với tổng giá trị là 228.160.000.000 VND qua Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam cho Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Du lịch Thiên Ân, Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Châu Dương và Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Doanh. Số tiền bán cổ phần này đã về tài khoản chứng khoán Công ty ngày 25/5/2020. Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty đang sở hữu 2.524.600 cổ phần Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (tỷ lệ sở hữu 5,21% vốn điều lệ), với tổng giá trị đầu tư là 92.063.098.487 VND.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, trong đó báo cáo kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát, cụ thể: Công ty thực hiện đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát với số tiền 24.800.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 19,84% vốn điều lệ) bằng hàng tồn kho của Công ty. Kiểm toán viên năm 2018 không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp, do đó, không đưa ra ý kiến đánh giá về tính hợp lý của nghiệp vụ góp vốn trên và các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến các khoản mục khác đang trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

Đặng Thị Minh Hạnh
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3290-2020-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.449.226.051	305.099.595.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	82.629.682	26.360.845
1. Tiền	111		82.629.682	26.360.845
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.246.192.508	305.051.339.443
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.202.192.508	6.589.687.161
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		44.000.000	55.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	-	298.406.652.282
III. Hàng tồn kho	140		-	17.628.180
1. Hàng tồn kho	141		-	17.628.180
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		120.403.861	4.267.022
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		120.403.861	4.267.022
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		318.167.414.466	24.829.340.446
I. Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	318.154.840.000	24.800.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		318.154.840.000	24.800.000.000
II. Tài sản dài hạn khác	260		12.574.466	29.340.446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12.574.466	29.340.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		319.616.640.517	329.928.935.936

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		7.849.373.886	17.151.246.888
I. Nợ ngắn hạn	310		7.849.373.886	17.151.246.888
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	8	1.123.544.400	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	3.309.052.690	3.075.576.971
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10	184.000.000	1.336.056.868
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	2.766.501.747	1.088.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	50.000.000	12.322.250.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		416.275.049	416.275.049
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		311.767.266.631	312.777.689.048
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	311.767.266.631	312.777.689.048
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(148.500.000)	(148.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.248.825.147	1.248.825.147
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế	421		10.666.941.484	11.677.363.901
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.677.363.901	7.997.838.848
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(1.010.422.417)	3.679.525.053
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		319.616.640.517	329.928.935.936



Nguyễn Công Cương
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

Nguyễn Cẩm Tiên
 Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	14	1.092.902.280	136.082.490
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		1.092.902.280	136.082.490
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	15	1.021.404.000	135.847.904
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		71.498.280	234.586
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		36.045	149.440
6. Chi phí tài chính	22	16	208.251.176	(3.519.643.717)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		190.365.684	241.298.511
7. Chi phí bán hàng	25		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	472.574.893	(1.257.544.886)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25 + 26)}	30		(609.291.744)	4.777.572.629
10. Thu nhập khác	31		488.154	-
11. Chi phí khác	32	18	401.618.827	993.543.820
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(401.130.673)	(993.543.820)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.010.422.417)	3.784.028.809
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	-	104.503.756
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(1.010.422.417)	3.679.525.053
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	(34)	123



Nguyễn Công Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

Nguyễn Cẩm Tiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.010.422.417)	3.784.028.809
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Các khoản dự phòng	03	-	(5.748.051.676)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(36.045)	(149.440)
- Chi phí lãi vay	06	190.365.684	241.298.511
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(820.092.778)	(1.722.873.796)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	45.289.010.096	130.215.668.691
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	17.628.180	135.916.935
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.780.011.314	635.445.935
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	16.765.980	6.659.554
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.283.322.792	129.270.817.319
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(59.754.840.000)	(258.400.000.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	24.800.000.000	115.200.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.045	149.440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(34.954.803.955)	(143.199.850.560)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.270.000.000	19.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(16.542.250.000)	(7.970.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.272.250.000)	11.030.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	56.268.837	(2.899.033.241)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	26.360.845	2.925.394.086
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	82.629.682	26.360.845



Nguyễn Công Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

Nguyễn Cẩm Tiên
Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNC Capital Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101971512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/01/2009, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 09 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 300.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại A28, BT6, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Đường Trần Văn Cẩn, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- ✓ Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng kinh doanh (chính);
- ✓ Sản xuất gang thép;
- ✓ Vận tải hàng khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe bus);
- ✓ Vận tải hàng khách đường bộ khác;
- ✓ Khai thác khí đốt tự nhiên;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: Bán buôn thiết bị nhiệt, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị cấp nước, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy dân dụng và máy móc các loại, thiết bị văn phòng, đồ mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, trang thiết bị y tế, thiết bị phòng cháy, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học; bán buôn thiết bị, máy móc công nghiệp; điện tử viễn thông, vi tính - tin học; mua bán thiết bị trường học; mua bán các trang thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; mua bán thang máy; mua bán hệ thống tủ điện công nghiệp, dân dụng; mua bán hệ thống âm thanh, ánh sáng, truyền hình, tổng đài; mua bán hệ thống điều hòa thông gió; mua bán hệ thống bếp; giặt là công nghiệp; mua bán hệ thống Sauna, Steam; mua bán hệ thống khí y tế, khí công nghiệp; bán buôn máy móc thiết bị y tế.
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- ✓ Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón;
- ✓ Sản xuất linh kiện điện tử;
- ✓ Sản xuất thiết bị truyền thông;
- ✓ Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- ✓ Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là:

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác: bán buôn thiết bị nhiệt, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị cấp nước, thiết bị phụ tùng ô tô, xe máy, máy dân dụng và máy móc các loại, thiết bị văn phòng, đồ mộc dân dụng, mộc mỹ nghệ, trang thiết bị y tế, thiết bị phòng cháy, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học; bán buôn thiết bị, máy móc công nghiệp; điện tử viễn thông, vi tính - tin học; mua bán thiết bị trường học; mua bán các trang thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; mua bán thang máy; mua bán hệ thống tủ điện công nghiệp, dân dụng; mua bán hệ thống âm thanh, ánh sáng, truyền hình, tổng đài; mua bán hệ thống điều hòa thông gió; mua bán hệ thống bếp; giặt là công nghiệp; mua bán hệ thống Sauna, Steam; mua bán hệ thống khí y tế, khí công nghiệp; bán buôn máy móc thiết bị y tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2019, số dư các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn số dư tài sản ngắn hạn 6.400.147.835 VND cho thấy Công ty không đủ nguồn tài chính để thanh toán các khoản nợ đến hạn, đây là các yếu tố dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, với nguồn thu từ việc thoái một phần vốn tại Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà, Ban điều hành Công ty tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty sẽ được cải thiện trong các năm tới. Theo đó, báo cáo tài chính kèm theo vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng Quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Hội đồng Quản trị đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính, tài sản được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên sàn UPCOM, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trong năm, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu xuất khẩu tại thời điểm xuất hàng ra khỏi kho và xuất hóa đơn. Hội đồng Quản trị đánh giá thời gian vận chuyển hàng tới cảng là ngắn, chưa từng xảy ra rủi ro trên đường vận chuyển tới cảng làm ảnh hưởng tới việc ghi nhận doanh thu và Công ty áp dụng nhất quán chính sách như đã nêu qua các năm. Hội đồng Quản trị Công ty tin tưởng rằng việc Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu sớm như trên là phù hợp và phản ánh đúng doanh thu thực tế của Công ty.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

SỐ-C
TY
+
DÁN
O
HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản lỗ lũy kế (lỗ kế toán) là 1.500.666.798 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa là 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	46.593.354	1.662.648
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.036.328	24.698.197
Cộng	82.629.682	26.360.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND		VND	
Phải thu của khách hàng	1.202.192.508		6.589.687.161	
Công ty TNHH SX Lắp ráp và Thương mại Nam Đô	1.202.192.508		-	
Công ty TNHH Lâm Nam	-		3.246.603.161	
Công ty TNHH Tiên Đại Phát	-		3.235.144.000	
Công ty TNHH Trọng Phát	-		107.940.000	

Ghi chú:

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản phải thu của Công ty TNHH SX Lắp ráp và Thương mại Nam Đô bằng tiền gửi ngân hàng.

6. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác ngắn hạn	-		298.406.652.282	
Phải thu về bảo hiểm	-		6.652.282	
Bà Nguyễn Thị Lan Hương (i)	-		142.800.000.000	
Ông Ngô Tiến Cường (i)	-		115.600.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Pháp (iii)	-		40.000.000.000	

Ghi chú:

- (i) Là khoản tiền Công ty trả trước cho hai cá nhân nêu trên để mua 7,6 triệu cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà với giá 34.000 VND/1 cổ phần theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2018/HĐCN-CN-KSQ và số 02/2018/HĐCN-CN-KSQ ngày 21/9/2018 và các Phụ lục Hợp đồng đính kèm. Các Hợp đồng chuyển nhượng trên đã giao dịch thành công vào ngày 12/1/2019.
- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2205-1/2019/NQ-HĐQT ngày 22/05/2019 về việc thu hồi toàn bộ các khoản đầu tư: Công ty thu hồi khoản vốn đầu tư vào dự án cửa nhựa lồi thép tại Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Pháp với giá trị 40 tỷ VND. Số tiền này đã được thu hồi vào tháng 6/2019 bằng tiền gửi ngân hàng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm					
	Số cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Số cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.724.600	318.154.840.000	-	483.717.997.800	2.480.000	24.800.000.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (i)	8.724.600	318.154.840.000	-	483.717.997.800	-	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát (ii)	-	-	-	-	2.480.000	24.800.000.000	-	(*)

Ghi chú:

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 ngày 23/10/2018 thông qua việc đầu tư mua cổ phần tại Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà và ủy quyền cho Hội đồng quản trị đàm phán và triển khai phương án đầu tư, bao gồm quyết định thời điểm đầu tư, giá mua cổ phần và tất cả nội dung khác có liên quan đến phương án đầu tư. Biên bản họp Hội đồng quản trị số 31/10/2018/BB/HĐQT ngày 31/10/2018 thông nhất giá mua không cao hơn mức 35.271 VND/ cổ phần; mức giá này được thẩm định theo Chứng thư thẩm định giá số 61-1/2018/CTĐG-SSBVietnam ngày 5/9/2018.
- (ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 23/10/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/10/2018 về việc thông qua góp vốn thành lập Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát với số tiền 24.800.000.000 VND (chiếm tỷ lệ 19,84% vốn điều lệ). Hình thức đầu tư góp vốn bằng hàng tồn kho.
- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2205-1/2019/NQ-HĐQT ngày 22/05/2019 về việc thu hồi toàn bộ các khoản đầu tư trong đó có khoản đầu tư tại Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát với số tiền là 24.800.000.000 VND. Theo đó, Công ty chuyển nhượng cho hai cá nhân ông Nguyễn Văn Tỉnh và ông Vũ Minh Tuấn với số tiền lần lượt là 11.030.000.000 VND và 13.770.000.000 VND. Số tiền chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Tỉnh được bù trừ vào công nợ vay, số tiền chuyển nhượng của ông Vũ Minh Tuấn được trả vào tháng 6/2019.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền
Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà	Thái Bình	17,99%	17,99%	0%	0%
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát	Hà Nội	0%	0%	19,84%	19,84%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP THEO)

Tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà trong năm 2019

Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà (“Công ty BOT”) hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng nhà các loại và công trình công ích; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; ... được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 1001045855 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 16/10/2014 và thay đổi lần 4 ngày 11/02/2020. Hoạt động chính của Công ty là xây dựng, lắp đặt thiết bị và thu phí cầu đường.

Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà đã được kiểm toán: Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 là 485.000.000.000 VND; Lỗ chưa phân phối lũy kế tại ngày 31/12/2019 và lỗ trong năm 2019 là 169.556.720.210 VND. Năm 2019 là năm đầu tiên dự án Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà đi vào hoạt động, có doanh thu từ dịch vụ thu phí đường bộ nhưng chỉ đạt 16% so với phương án tài chính trong hợp đồng BOT. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 âm, các khoản nợ tín dụng được thanh toán nhờ vào sự tài trợ của cổ đông lớn là Công ty TNHH Tiến Đại Phát.

Ngày 04/02/2020, Công ty đã có Công văn số 05/2020/TH-KTKH gửi Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục đường bộ Việt Nam và Ban Quản lý dự án Thăng Long đề cập đến một số vấn đề tồn tại từ bước lập dự án đầu tư, mời nhà đầu tư, triển khai xây dựng, khai thác dự án cầu Thái Hà là những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Công ty đưa ra một số kiến nghị với các cơ quan quản lý Nhà nước nhằm giảm bớt khó khăn, tạo điều kiện cho nhà đầu tư có thể thu đúng, thu đủ để hoàn vốn đầu tư, cụ thể như: Đề xuất được đặt bỏ xung trạm thu phí, thực hiện tư vấn độc lập dự án đánh giá lượng xe thực tế qua cầu, được vốn hóa các chi phí trong thời gian chờ hoạt động, ... Hiện tại Công ty đang chờ văn bản trả lời của Bộ Giao thông vận tải và các cấp có thẩm quyền về các nội dung theo công văn trên.

Ngoài ra, Ban điều hành Công ty tin tưởng rằng với tài sản hiện hữu thuộc sở hữu của Công ty là cầu Thái Hà (tổng giá trị đầu tư 1.381.314 tỷ đồng và 97,378 tỷ đồng giá trị thuế GTGT trong giai đoạn đầu tư đang làm thủ tục hoàn thuế), cùng với sự cam kết hỗ trợ tài chính dài hạn để thanh toán các khoản nợ lãi vay và gốc vay của nhà đầu tư là Công ty TNHH Tiến Đại Phát theo văn bản số 09/TDP-TCKT ngày 02/01/2019 thì Công ty chắc chắn sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư

Tại ngày 31/12/2019, Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư BOT Cầu Thái Hà được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố, theo số liệu Công ty tính toán là 55.443 VND/cổ phần.

Tại ngày 01/01/2019, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Thiết bị Toàn Phát do Cổ phiếu của Công ty trên chưa được niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	1.123.544.400	1.123.544.400	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy	1.123.544.400	1.123.544.400	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Số đầu năm (Trình bày lại)</u>
	VND	VND	VND	VND
<i>Phải nộp</i>	<i>3.309.052.690</i>	<i>433.475.719</i>	<i>200.000.000</i>	<i>3.075.576.971</i>
Thuế giá trị gia tăng	1.216.225.422	109.290.228	109.567.817	1.216.503.011
Thuế TNDN	439.225.762	-	87.432.183	526.657.945
Thuế thu nhập cá nhân	51.430.000	-	-	51.430.000
Thuế khác	1.602.171.506	324.185.491	3.000.000	1.280.986.015

Ghi chú:

Công ty đang bị áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng kể từ ngày 14/12/2019 theo Biên bản làm việc ngày 20/12/2019 giữa Công ty với Chi cục Thuế Quận Nam Từ Liêm và Quyết định số 22816/QĐ-CCT ngày 12/12/2019

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	-	1.236.056.868
Phí kiểm toán	184.000.000	100.000.000
Cộng	184.000.000	1.336.056.868

11. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>2.766.501.747</i>	<i>1.088.000</i>
Các khoản trích theo lương	44.571.692	-
Ông Lê Minh Công (i)	1.350.000.000	-
Lãi quá hạn (ii)	1.368.672.552	-
Các khoản phải trả khác	3.257.503	1.088.000

Ghi chú:

(i) Là số tiền bao gồm gốc vay và lãi vay ông Lê Minh Công nộp cho Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình để giải chấp Tài sản đảm bảo khoản vay.

(ii) Khoản lãi quá hạn phải trả Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Mỹ Đình. Gốc vay đã được ông Lê Minh Công trả theo Thuyết minh 11.(i).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	50.000.000	50.000.000	4.270.000.000	16.542.250.000	12.322.250.000	12.322.250.000
Ông Ngô Tiến Hải (i)	50.000.000	50.000.000	4.200.000.000	4.150.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Mỹ Đình (ii)	-	-	-	1.292.250.000	1.292.250.000	1.292.250.000
Ông Ngô Tiến Cường	-	-	70.000.000	70.000.000	-	-
Ông Nguyễn Văn Tình	-	-	11.030.000.000	11.030.000.000	11.030.000.000	11.030.000.000

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng cho vay tiền số 1011-2019/HĐVT/CNC-NTH ngày 10/11/2019 giữa Công ty với ông Ngô Tiến Hải với số tiền vay là 4,2 tỷ VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 0%/năm.
- (ii) Tại ngày 19/10/2019, Ông Lê Minh Công đã nộp số tiền là 1,350 tỷ VND (bao gồm số gốc vay là 1.295.526.702 VND và lãi vay phải trả là 54.473.298 VND) để giải chấp Tài sản đảm bảo cho khoản vay. Tài sản đảm bảo là Giá trị quyền sử dụng đất 800m2 và 810,11m2 tại Thôn La Gián, Xã Cổ Đông, Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Lê Thanh Long và ông Lê Minh Công, Bà Vũ Thị Thu Hương.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối (Trình bày lại)	Tổng cộng
Số đầu năm trước	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	7.997.838.848	310.690.587.347
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	3.679.525.053	3.679.525.053
Số dư đầu năm	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	11.677.363.901	312.777.689.048
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	(1.010.422.417)	(1.010.422.417)
Số dư cuối năm	300.000.000.000	(148.500.000)	1.248.825.147	10.666.941.484	311.767.266.631

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ %	Vốn góp VND	Tỷ lệ VND
Bà Nguyễn Thị Chi Phương	35.302.000.000	11,77%	35.302.000.000	11,77%
Ông Vương Văn Ba	20.000.000.000	6,67%	20.000.000.000	6,67%
Các cổ đông khác	244.698.000.000	81,57%	244.698.000.000	81,57%
Tổng cộng	300.000.000.000	100,00%	300.000.000.000	100,00%

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.092.902.280	-
Danh thu cung cấp dịch vụ	-	136.082.490
Cộng	1.092.902.280	136.082.490

15. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1.021.404.000	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	135.847.904
Cộng	1.021.404.000	135.847.904

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi tiền vay	190.365.684	241.298.511
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	-	(3.760.942.228)
Chi phí tài chính khác	17.885.492	-
Cộng	208.251.176	(3.519.643.717)

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên	202.649.030	424.574.391
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.000.000	4.191.495
Thuế, phí và lệ phí	6.806.323	3.612.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.722.540	281.400.340
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(1.987.109.448)
Chi phí khác bằng tiền	2.397.000	15.785.636
Cộng	472.574.893	(1.257.544.886)

18. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp và truy thu thuế	321.821.144	983.955.412
Chi phí khác	79.797.683	9.588.408
Cộng	401.618.827	993.543.820

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	(1.010.422.417)	3.784.028.809
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế	401.618.827	(2.767.453.448)
Trừ: Thu nhập không tính thuế	-	(3.760.997.268)
Cộng: chi phí không được trừ	401.618.827	993.543.820
Chuyển lỗ	(608.803.590)	1.016.575.361
Thu nhập chịu thuế	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất 20%	-	-
Thuế TNDN phải nộp theo Biên bản thanh tra thuế	-	104.503.756
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	104.503.756

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. KẾ HOẠCH CHUYỂN LỠ

Tại ngày 31/12/2019, Công ty còn khoản lỗ tính thuế là 1.500.666.798 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ). Kế hoạch chuyển lỗ của Công ty như sau:

<u>Năm phát sinh</u>	<u>Thời gian chuyển lỗ</u>	<u>Tình trạng</u>	<u>Số lỗ được chuyển</u>	<u>Số lỗ đã chuyển</u>	<u>Số lỗ còn được chuyển</u>
2017	2018-2022	Chưa quyết toán	(1.908.438.569)	1.016.575.361	(891.863.208)
2019	2020-2024	Chưa quyết toán	(608.803.590)	-	(608.803.590)
					(1.500.666.798)

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
		<u>(Trình bày lại)</u>
Lợi nhuận kế toán/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.010.422.417)	3.679.525.053
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.010.422.417)	3.679.525.053
Số cổ phiếu bình quân trong năm	30.000.000	30.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(34)	123
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ tập trung chủ yếu trong địa bàn thành phố Hà Nội, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong một lĩnh vực bán máy móc. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	50.000.000	12.322.250.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	82.629.682	26.360.845
Nợ thuần	(32.629.682)	12.295.889.155
Vốn chủ sở hữu	311.767.266.631	312.777.689.048
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.629.682	26.360.845
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.202.192.508	304.996.339.443
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	318.154.840.000	24.800.000.000
Tổng cộng	319.439.662.190	329.822.700.288
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	50.000.000	12.322.250.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.890.046.147	1.088.000
Chi phí phải trả	184.000.000	1.336.056.868
Tổng cộng	4.124.046.147	13.659.394.868

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn chi tiết về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối năm	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	82.629.682	-	82.629.682
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.202.192.508	-	1.202.192.508
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	318.154.840.000	318.154.840.000
Tổng cộng	1.284.822.190	318.154.840.000	319.439.662.190
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	50.000.000	-	50.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.890.046.147	-	3.890.046.147
Chi phí phải trả	184.000.000	-	184.000.000
Tổng cộng	4.124.046.147	-	4.124.046.147
Chênh lệch thanh khoản thuần	(2.839.223.957)	318.154.840.000	315.315.616.043

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Số đầu năm	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.360.845	-	26.360.845
Phải thu khách hàng và phải thu khác	304.996.339.443	-	304.996.339.443
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	24.800.000.000	24.800.000.000
Tổng cộng	305.022.700.288	24.800.000.000	329.822.700.288
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	12.322.250.000	-	12.322.250.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.088.000	-	1.088.000
Chi phí phải trả	1.336.056.868	-	1.336.056.868
Tổng cộng	13.659.394.868	-	13.659.394.868
Chênh lệch thanh khoản thuần	291.363.305.420	24.800.000.000	316.163.305.420

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Thành viên Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị Công ty	Lãnh đạo chủ chốt

Thu nhập của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm trước</u>
	VND
Tổng thu nhập	79.140.005

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2005A/2020/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 05 năm 2020 thông qua nội dung thoái vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần BOT Cầu Thái Hà để bổ sung vốn lưu động của Công ty; số lượng thoái là 6,2 triệu cổ phần, giá thoái không thấp hơn giá trị đầu tư ban đầu. Theo đó, ngày 25/5/2020, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng số cổ phần nêu trên cho Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Du lịch Thiên Ân, Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Châu Dương và Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phú Doanh thông qua giao dịch thỏa thuận tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng và Đầu tư phát triển Việt Nam với khối lượng giao dịch là 6,2 triệu cổ phần, giá 36.800 VND/1 cổ phần; tổng giá trị là 228.160.000.000 VND. Số tiền bán chứng khoán trên đã về tài khoản chứng khoán của Công ty ngày 25/5/2020.

Ngày 20/05/2020, Công ty với Công ty TNHH Tiến Đại Phát đã ký Hợp đồng mua bán quặng sắt số 2005/TĐP-CNC, theo đó Công ty sẽ mua quặng sắt của Công ty TNHH Tiến Đại Phát trong vòng 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty khác. Một số chỉ tiêu của báo cáo năm tài chính trước được trình bày lại cho mục đích so sánh, cụ thể như sau:

Khoản mục	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số trình bày lại	Ghi chú
	VND	VND	VND	
Điều chỉnh chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán				
1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	24.800.000.000	(24.800.000.000)	-	(i)
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	24.800.000.000	24.800.000.000	(i)
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.500.671.538	1.574.905.433	3.075.576.971	(ii)
4. Chi phí phải trả	2.744.433.058	(1.408.376.190)	1.336.056.868	(iii)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.843.893.144	(166.529.243)	11.677.363.901	(vii)
Điều chỉnh chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh				
1. Chi phí tài chính	-	(3.519.643.717)	(3.519.643.717)	(iv)
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(5.018.487.114)	3.760.942.228	(1.257.544.886)	(v)
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.018.871.140	(241.298.511)	4.777.572.629	(vii)
4. Chi phí khác	1.068.313.088	(74.769.268)	993.543.820	(vi)
5. Lợi nhuận/(Lỗ) khác	(1.068.313.088)	74.769.268	(993.543.820)	(vii)
6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.950.558.052	(166.529.243)	3.784.028.809	(vii)
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.846.054.296	(166.529.243)	3.679.525.053	(vii)
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	128	(5)	123	(vii)

Ghi chú:

- (i) Phân loại lại khoản đầu tư;
- (ii) Điều chỉnh Tiền nợ thuế và phạt chậm nộp;
- (iii) Điều chỉnh giảm số dư trích trước Tiền nợ thuế và phạt chậm nộp và trích bỏ sung tiền lãi ngân hàng năm 2018;
- (iv) Hạch toán bổ sung tiền lãi ngân hàng năm 2018 và phân loại lại khoản Dự phòng của các khoản đầu tư
- (v) Phân loại lại khoản Dự phòng của các khoản đầu tư;
- (vi) Điều chỉnh giảm số dư trích trước Tiền nợ thuế và phạt chậm nộp;
- (vii) Ảnh hưởng của các điều chỉnh trên



Nguyễn Công Cương
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2020

Nguyễn Cẩm Tiên
 Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Tiên
 Người lập biểu